

TRƯỜNG MẦM NON 9

730/7 Lạc Long Quân, P.9, Q. Tân Bình, TP.HCM

DANH SÁCH HOÀN TRẢ TIỀN NH 2021-2022

Khối/Lớp: 6-18th

STT	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng	Tiền dư	Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
1	Nguyễn Phúc Nhật	Đặng	2	2	64.000	36.000	-	100.000		
2	Võ Ngô Nhật	Đồng	2	2	64.000	36.000	-	100.000		
3	Vòng Chung	Huy	5	5	160.000	90.000	-	250.000		
4	Vũ Minh	Ngạn	6	6	192.000	108.000	-	300.000		
5	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	6	6	192.000	108.000	-	300.000		
6	Đoàn Phúc	Tâm	1		32.000	-	100.000	132.000		PVBT bs 21-22
7	Trần Minh	Tiến	3	3	96.000	54.000	-	150.000		
8	Võ Huỳnh Minh	Trí	2	2	64.000	36.000	-	100.000		
9	Đặng Gia	Tuệ	5	5	160.000	90.000	-	250.000		
-	hoàn trả 9/13 bé		32	31	1.024.000	558.000	100.000	1.682.000		

Ngày.....tháng 8 năm 2022

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Hồng Tâm



Trần Thị Kiều Nhung

TRƯỜNG MẦM NON 9

730/7 Lạc Long Quân, P.9, Q. Tân Bình, TP.HCM

DANH SÁCH HOÀN TRẢ TIỀN NH 2021-2022

Khối/Lớp: 19-24th

STT	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng		Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Gia	An	18	18	576.000	324.000		900.000		
2	Nguyễn Mạnh	Hà	5	5	160.000	90.000		250.000		
3	Vũ Minh	Khang	4	4	128.000	72.000		200.000		
4	Cao Trương Khánh	Ngọc	4	4	128.000	72.000		200.000		
5	Huỳnh Phan Thảo	Nhi	4		128.000	-		128.000		
6	Trịnh An	Phúc	4	4	128.000	72.000		200.000		
7	Huỳnh Dũng	Phước	2	2	64.000	36.000		100.000		
-	hoàn trả 7/13 bé		41	37	1.312.000	666.000	-	1.978.000		

Ngàytháng 8 năm 2022

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng Tâm



Trần Thị Kiều Nhung

TRƯỜNG MẦM NON 9

730/7 Lạc Long Quân, P.9, Q.Tân Bình, TP.HCM

DANH SÁCH HOÀN TRẢ TIỀN NH 2021-2022

Khối/Lớp: 25-36 th.1

STT	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng	Tiền dư	Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
1	Trần Nam Quốc	Anh	2	2	64.000	36.000	-	100.000		
2	Bùi Nguyễn Lam	Chi	1	1	32.000	18.000	-	50.000		
3	Lê An	Di	9	9	288.000	162.000	-	450.000		
4	Lưu Khả	Di	6	6	192.000	108.000	-	300.000		
5	Trần Uy	Dũng	1	1	32.000	18.000	-	50.000		
6	Nguyễn Anh	Đức	7	7	224.000	126.000	-	350.000		
7	Huỳnh Gia	Hiếu	15	15	480.000	270.000	-	750.000		
8	Trần Huỳnh Gia	Hy	1	1	32.000	18.000	-	50.000		
9	Vũ Nguyễn Minh	Khang	5	5	160.000	90.000	-	250.000		
10	Nguyễn Anh	Khôi	10	10	320.000	180.000	-	500.000		
11	Dương Đại	Lâm	4	4	128.000	72.000	-	200.000		
12	Trần Cao	Minh	3	3	96.000	54.000	-	150.000		
13	Nguyễn Kim	Ngân	2	2	64.000	36.000	-	100.000		
14	Ngô Minh	Ngọc	9		288.000	-	-	288.000		
15	Trần Quỳnh	Nhi	2	2	64.000	36.000	-	100.000		
16	Nguyễn Ngọc	Phúc	4	4	128.000	72.000	-	200.000		
17	Nguyễn Ngọc	Trân	1	1	32.000	18.000	-	50.000		
18	Mai Minh	Trung	5	5	160.000	90.000	-	250.000		
19	Lê ngọc Anh	Trúc	12	12	384.000	216.000	-	600.000		
-	hoàn trả 19/22 bé		99	90	3.168.000	1.620.000	-	4.788.000		

Ngày.....tháng 8 năm 2022

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Hồng Tâm

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Kiều Nhung

TRƯỜNG MẦM NON 9

730/7 Lạc Long Quân, P.9, Q.Tân Bình, TP.HCM

DANH SÁCH HOÀN TRẢ TIỀN NH 2021-2022

Khối/Lớp: 25-36th (2)

STT	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng	Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
1	Dương Nguyễn Tuệ	An	2	2	64.000	36.000	100.000		
2	Nguyễn Vũ Khánh	An	10	10	320.000	180.000	500.000		
3	Nguyễn Khánh	An	2	2	64.000	36.000	100.000		
4	Trần Hoàng	Bách	4	4	128.000	72.000	200.000		
5	Quách Hải	Bình	12	12	384.000	216.000	600.000		
6	Nguyễn Hồng Ngọc	Diệp	6	6	192.000	108.000	300.000		
7	La Phước	Đăng	8		256.000	-	256.000		
8	Lê Nguyễn Khánh	Hà	1	1	32.000	18.000	50.000		
9	Trần Nguyễn Khánh	Huy	10	10	320.000	180.000	500.000		
10	Lê Phúc	Hưng	14	14	448.000	252.000	700.000		
11	Trần Nguyễn Minh	Khai	1	1	32.000	18.000	50.000		
12	Hà Minh	Khang	6	6	192.000	108.000	300.000		
13	Phạm Duy	Khang	6		192.000	-	192.000		
14	Trịnh Minh	Khang	5		160.000	-	160.000		
15	Huỳnh Thiện	Minh	1	1	32.000	18.000	50.000		
16	Lê Tấn	Minh	10	10	320.000	180.000	500.000		
17	Kim Ngọc Khả	Ngân	2		64.000	-	64.000		
18	Lâm Thịnh	Nhiên	3	3	96.000	54.000	150.000		
19	Ngô Gia	Phúc	3	3	96.000	54.000	150.000		
20	Nguyễn Hoàng Anh	Tú	2	2	64.000	36.000	100.000		
-	Hoàn trả 20/21 bé		108	87	3.456.000	1.566.000	5.022.000		

Ngày.....tháng 8 năm 2022

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Hồng Tâm



Trần Thị Kiều Nhung

TRƯỜNG MẦM NON 9

730/7 Lạc Long Quân, P.9, Q. Tân Bình, TP.HCM

DANH SÁCH HOÀN TRẢ TIỀN NH 2021-2022

Khối/Lớp: Mầm 1

STT	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng	Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
1	Đỗ Nguyễn Phương	An	19	19	608.000	342.000	950.000		
2	Phạm Phương	Anh	1	1	32.000	18.000	50.000		
3	Đồng Gia	Bảo	1	1	32.000	18.000	50.000		
4	Ngô Bội	Châu	8	8	256.000	144.000	400.000		
5	Bùi Tôn Hoàng	Duy	2	2	64.000	36.000	100.000		
6	Trần Tiến	Dũng	8	8	256.000	144.000	400.000		
7	Nguyễn Kim Minh	Đức	3		96.000	-	96.000		
8	Phan Trúc	Giang	3	3	96.000	54.000	150.000		
9	Nhậm Đạt	Hào	2	2	64.000	36.000	100.000		
10	Đặng Cao Gia	Hân	9		288.000	-	288.000		
11	Trương Khả	Hân	6	6	192.000	108.000	300.000		
12	Nguyễn Minh	Hiếu	3		96.000	-	96.000		
13	Nguyễn Khánh	Hưng	18	18	576.000	324.000	900.000		
14	Cao Trần Quang	Khải	3	3	96.000	54.000	150.000		
15	Lê Đỗ Ngọc	Lan	15	15	480.000	270.000	750.000		
16	Trần Anh	Minh	5	5	160.000	90.000	250.000		
17	Nguyễn Hà	Nguyễn	3	3	96.000	54.000	150.000		
18	Trương Mẫn	Nhi	1	1	32.000	18.000	50.000		
19	Lưu Hoàng Minh	Phúc	5		160.000	-	160.000		
20	Nguyễn Đăng	Quang	6	6	192.000	108.000	300.000		
21	Cao Phương	Thùy	7	7	224.000	126.000	350.000		
22	Diệp Minh	Thy	5		160.000	-	160.000		
23	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	9	9	288.000	162.000	450.000		
24	Bùi Quang Khải	Tuấn	3	3	96.000	54.000	150.000		
25	Nguyễn Anh	Vũ	3	3	96.000	54.000	150.000		
-	Hoàn trả 25/28 bé		148	123	4.736.000	2.214.000	6.950.000		

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Ngày tháng 8 năm 2022



Trần Thị Kiều Nhung

TRƯỜNG MẦM NON 9

730/7 Lạc Long Quân, P.9, Q. Tân Bình, TP.HCM

DANH SÁCH HOÀN TRẢ TIỀN NH 2021-2022

Khối/Lớp: Mầm 2

STT	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng		Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
1	Đặng Duy	An	2	2	64.000	36.000	-	100.000		
2	Nguyễn Hoàng Bảo	Anh	8	8	256.000	144.000	-	400.000		
3	Viên Ngọc Minh	Anh	1	1	32.000	18.000	-	50.000		
4	Võ Quốc	Đạt	7	7	224.000	126.000	-	350.000		
5	Đồng Gia	Huy	1	1	32.000	18.000	-	50.000		
6	Phạm Khánh	Hưng	3	3	96.000	54.000	-	150.000		
7	Đặng Duy	Khôi	2		64.000	-	-	64.000		
8	Trương Minh	Khôi	1		32.000	-	-	32.000		
9	Đinh Ngọc Hoàng	Kim	3	3	96.000	54.000	-	150.000		
10	Đoàn Phúc	Lâm	9	9	288.000	162.000	-	450.000		
11	Nguyễn An	Nhiên	1	1	32.000	18.000	-	50.000		
12	Nguyễn Tấn	Phúc	18	18	576.000	324.000	-	900.000		
13	Nguyễn Gia	Phúc	7		224.000	-	-	224.000		
14	Nguyễn Trần Bảo	Quyên	10	10	320.000	180.000	-	500.000		
15	Võ Nguyễn Bích	Thuỷ	8	8	256.000	144.000	-	400.000		
16	Nguyễn Dương Minh	Tuệ	14	14	448.000	252.000	-	700.000		
17	Bùi Hạo	Văn	6	6	192.000	108.000	-	300.000		
18	Trần Huỳnh Phước	Vinh	3	3	96.000	54.000	-	150.000		
19	Tô Nguyễn Tín	Vũ	7	7	224.000	126.000	-	350.000		
20	Diệp Như	Ý	12	12	384.000	216.000	-	600.000		
21	Phạm Nguyễn Như	Ý	7	7	224.000	126.000	-	350.000		
-	hoàn trả 21/28 bé		130	120	4.160.000	2.160.000	-	6.320.000		

Ngày tháng 8 năm 2022

TRƯỜNG MẦM NON 9

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

[Signature]



Trần Thị Kiều Nhung

DANH SÁCH HOÀN TRẢ TIỀN NH 2021-2022
Khối/Lớp: Mầm 3

STT	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng	Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
1	Mai Ngọc Bảo	An	10	10	320.000	180.000	500.000		
2	Huỳnh Công Tuấn	Anh	16	16	512.000	288.000	800.000		
3	Huỳnh Ngọc Hà	Anh	2	2	64.000	36.000	100.000		
4	Nguyễn Hà	Anh	2		64.000	-	64.000		
5	Nguyễn Trúc Minh	Anh	6	6	192.000	108.000	300.000		
6	Phan Huỳnh Bảo	Anh	7	7	224.000	126.000	350.000		
7	Vũ Nguyễn Hải	Đặng	8	8	256.000	144.000	400.000		
8	Cao Lê Khả	Hân	13	13	416.000	234.000	650.000		
9	Vũ Nhã	Hân	4	4	128.000	72.000	200.000		
10	Lưu Bá	Hưng	6	6	192.000	108.000	300.000		
11	Hồ Quang	Khải	1	1	32.000	18.000	50.000		
12	Trần Minh	Khôi	1	1	32.000	18.000	50.000		
13	Mai Hoàng Khánh	Linh	17		544.000	-	544.000		
14	Nguyễn Tấn	Lộc	1	1	32.000	18.000	50.000		
15	Nguyễn Trịnh Phúc	Lộc	15	15	480.000	270.000	750.000		
16	Vũ Trần Nhật	Minh	2	2	64.000	36.000	100.000		
17	Huỳnh Bảo	Nghi	4	4	128.000	72.000	200.000		
18	Nguyễn Lê Thanh	Nhã	6	6	192.000	108.000	300.000		
19	Nguyễn Đăng Hiền	Phong	5	5	160.000	90.000	250.000		
20	Nguyễn Minh	Phúc	1	1	32.000	18.000	50.000		
21	Nguyễn Hoàng	Phúc	9	9	288.000	162.000	450.000		
22	Lê Linh	San	1	1	32.000	18.000	50.000		
23	Hồ Hoàng	Thái	12	12	384.000	216.000	600.000		
24	Lương Ngọc Cát	Tiên	2	2	64.000	36.000	100.000		
25	Huỳnh Thanh	Trúc	5		160.000	-	160.000		
26	Trần Hoàng Uyên	Vì	2		64.000	-	64.000		
27	Triệu Khánh	Vy	3		96.000	-	96.000		
-	Hoàn trả 27/31 bé		161	132	5.152.000	2.376.000	7.528.000		

TRƯỞNG MÃM NON 9
MÃM NON... tháng 8 năm 2022
HIỆP TƯỜNG
BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
[Chữ ký]

TRƯỜNG MẦM NON 9

730/7 Lạc Long Quân, P.9, Q.Tân Bình, TP.HCM

DANH SÁCH HOÀN TRẢ TIỀN NH 2021-2022

Khối/Lớp: Chồi 1

ST T	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng	Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
1	Đoàn Gia	Bảo	3	3	96.000	54.000	150.000		
2	Nguyễn Quỳnh	Chi	5	5	160.000	90.000	250.000		
3	Hoàng Ngọc	Diệp	15	15	480.000	270.000	750.000		
4	Lâm Gia	Hào	7		224.000	-	224.000		
5	Nguyễn Minh	Khang	6	6	192.000	108.000	300.000		
6	Nguyễn Đỗ Minh	Khôi	16	16	512.000	288.000	800.000		
7	Phan Ngọc Thiên	Kim	7		224.000	-	224.000		
8	Trần Nguyễn Phương	Linh	2		64.000	-	64.000		
9	Trần Thuận	Minh	3	3	96.000	54.000	150.000		
10	Phan Hoàng Khánh	My	11		352.000	-	352.000		
11	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	1	1	32.000	18.000	50.000		
12	Nguyễn Thế	Phát	3	3	96.000	54.000	150.000		
13	Bùi Vĩnh	Phong	3	3	96.000	54.000	150.000		
14	Lê Nguyễn Tấn	Phúc	4	4	128.000	72.000	200.000		
15	Trương Minh	Phúc	5	5	160.000	90.000	250.000		
16	Trần Huỳnh Khánh	Phương	1	1	32.000	18.000	50.000		
17	Võ Tường Hồng	Quang	15	15	480.000	270.000	750.000		
18	Trần Minh	Triết	4	4	128.000	72.000	200.000		
19	Lý Văn	Trung	2	2	64.000	36.000	100.000		
20	Nguyễn Hồng	Việt	6	6	192.000	108.000	300.000		
21	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	1	1	32.000	18.000	50.000		
-	Hoàn trả 21/28 bé		120	93	3.840.000	1.674.000	5.514.000		

Ngày... tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG

MẦM NON

9

QUẬN TÂN BÌNH TP. HỒ CHÍ MINH

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Trần Thị Kiều Nhung

TRƯỜNG MẦM NON 9

730/7 Lạc Long Quân, P.9, Q.Tân Bình, TP.HCM

DANH SÁCH HOÀN TRẢ TIỀN NH 2021-2022

Khối/Lớp: Chồi 2

ST T	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng	Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
1	Lê Phạm Quỳnh	Anh	3	3	96.000	54.000	150.000		
2	Đặng Cao Gia	Bảo	10	10	320.000	180.000	500.000		
3	Huỳnh Trương Bảo	Châu	4		128.000	-	128.000		
4	Nguyễn Bảo	Châu	1	1	32.000	18.000	50.000		
5	Nguyễn Ý	Đình	12	12	384.000	216.000	600.000		
6	Phạm Nguyễn Gia	Hân	7	7	224.000	126.000	350.000		
7	Trần Ngọc	Hoàng	2	2	64.000	36.000	100.000		
8	Nguyễn Hữu Lê Gia	Hưng	4	4	128.000	72.000	200.000		
9	Đào Minh	Khôi	2	2	64.000	36.000	100.000		
10	Trần Nhật	Khôi	1	1	32.000	18.000	50.000		
11	Đào Trịnh Tuệ	Lâm	8	8	256.000	144.000	400.000		
12	Nguyễn Hoàng	Long	4		128.000	-	128.000		
13	Nguyễn Huỳnh Kim	Ngân	4		128.000	-	128.000		
14	Noah Đức	Nguyễn	13	13	416.000	234.000	650.000		
15	Phạm Trần Tuệ	Nhi	5	5	160.000	90.000	250.000		
16	Văn Tuyết	Nhi	4	4	128.000	72.000	200.000		
17	Trần Khả	Như	1	1	32.000	18.000	50.000		
18	La Trấn	Phong	6	6	192.000	108.000	300.000		
19	Lâm Thịnh	Phú	1	1	32.000	18.000	50.000		
20	Bùi Lê Gia	Phúc	8	8	256.000	144.000	400.000		
21	Nguyễn Hồ Nam	Phương	6		192.000	-	192.000		
22	Phạm Đình	Tiến	8	8	256.000	144.000	400.000		
23	Nguyễn Ngọc Thiên	Vân	5	5	160.000	90.000	250.000		
24	Nguyễn Hoàng	Vinh	8	8	256.000	144.000	400.000		
	Hoàn trả 24/28 bé		127	109	4.064.000	1.962.000	6.026.000	-	

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Ngày tháng 8 năm 2022

THƯỜNG HIỆU TRƯỞNG

MẦM NON

9

Trần Thị Kiều Nhung

DANH SÁCH HOÀN TRẢ TIỀN NH 2021-2022

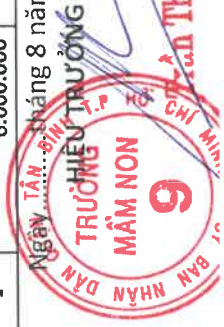
Khối/Lớp: Chồi 3

STT	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng	Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
1	Bùi Ngọc Lam	Anh	2	2	64.000	36.000	100.000		
2	Đoàn Khánh Minh	Anh	11		352.000	-	352.000		
3	Vũ Phạm Quỳnh	Anh	6	6	192.000	108.000	300.000		
4	Âu Thiên	Ân	3		96.000	-	96.000		
5	Lữ Lê Thiên	Bảo	1	1	32.000	18.000	50.000		
6	Nguyễn Trọng	Giáp	3	3	96.000	54.000	150.000		
7	Bùi Phúc	Huy	10	10	320.000	180.000	500.000		
8	Lê Đình	Huy	8	8	256.000	144.000	400.000		
9	Hồ Quốc	Khang	4	4	128.000	72.000	200.000		
10	Phạm Tuấn	Khải	6	6	192.000	108.000	300.000		
11	Vũ Phương	Khánh	2	2	64.000	36.000	100.000		
12	Nguyễn Thùy	Linh	2	2	64.000	36.000	100.000		
13	Võ Hà Phương	Mai	15	15	480.000	270.000	750.000		
14	Trần Khôi	Nguyễn	4		128.000	-	128.000		
15	Lương Mẫn	Nhi	5	5	160.000	90.000	250.000		
16	Lê Ngọc An	Nhiên	3	3	96.000	54.000	150.000		
17	Lê An	Nhiên	2	2	64.000	36.000	100.000		
18	Trần Hoàng	Phúc	4	4	128.000	72.000	200.000		
19	Hồ Mai	Phương	4	4	128.000	72.000	200.000		
20	Lai Bội	Tâm	2	2	64.000	36.000	100.000		
21	Hồ Ngọc Phúc	Thiện	7		224.000	-	224.000		
22	Phạm Nhã Minh	Thư	1	1	32.000	18.000	50.000		
23	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	8	8	256.000	144.000	400.000		
24	Lâm Ngọc Thiên	Trúc	1	1	32.000	18.000	50.000		
25	Nguyễn Phan Kim	Tuyền	5	5	160.000	90.000	250.000		
26	Trần Minh	Tú	10	10	320.000	180.000	500.000		
-	Hoàn trả 26/28 bé		129	104	4.128.000	1.872.000	6.000.000		

Ngày TÂN SỬU tháng 8 năm 2022

TRƯỜNG MẦM NON 9

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

TRƯỜNG MẦM NON 9

730/7 Lạc Long Quân, P.9, Q.Tân Bình, TP.HCM

DANH SÁCH HOÀN TRẢ TIỀN NH 2021-2022

Khối/Lớp: Lá 1

STT	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng	Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
1	Trần Nhật	Ánh	2	2	64.000	36.000	100.000		
2	Trần Quốc Thiên	Ân	6	6	192.000	108.000	300.000		
3	Huỳnh Gia	Bảo	2	2	64.000	36.000	100.000		
4	Đoàn Nguyễn Phương	Duyên	1	1	32.000	18.000	50.000		
5	Bùi Ngọc Ánh	Dương	1	1	32.000	18.000	50.000		
6	Bạch Tuyết	Hà	1	1	32.000	18.000	50.000		
7	Lâm Diệp	Huy	1	1	32.000	18.000	50.000		
8	Lê Minh	Huy	3		96.000	-	96.000		
9	Mai Đình	Khang	8		256.000	-	256.000		
10	Nguyễn Lâm	Khang	1	1	32.000	18.000	50.000		
11	Phan Trường Nhất	Khang	3	3	96.000	54.000	150.000		
12	Trần Hoàng	Khương	5	5	160.000	90.000	250.000		
13	Lương Đức	Kiên	6	6	192.000	108.000	300.000		
14	Trần Nguyễn Gia	Linh	9	9	288.000	162.000	450.000		
15	Phạm Hoàng	My	6	6	192.000	108.000	300.000		
16	Trần Thị Bắc	Nam	5		160.000	-	160.000		
17	Cao Trần Bảo	Ngọc	2	2	64.000	36.000	100.000		
18	Hà Phương Bảo	Ngọc	5	5	160.000	90.000	250.000		
19	Nguyễn Lý Phúc	Nguyễn	8	8	256.000	144.000	400.000		
20	Đặng Trí	Nhân	4	4	128.000	72.000	200.000		
21	Trương Thực	Nhi	7	7	224.000	126.000	350.000		
22	Vũ Minh	Thiên	3	3	96.000	54.000	150.000		
23	Trần Phạm Anh	Thư	1		32.000	-	32.000		
-	Hoàn trả 23/24 bé		90	73	2.880.000	1.314.000	4.194.000		

Ngày... tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
MẦM NON
9

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Kiều Nhung

TRƯỜNG MẦM NON 9

730/7 Lạc Long Quân, P.9, Q.Tân Bình, TP.HCM

DANH SÁCH HOÀN TRẢ TIỀN NH 2021-2022

Khối/Lớp: Lá 2

STT	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng	Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
1	Lê Nguyễn Tuệ	An	9	9	288.000	162.000	450.000		
2	Đặng Hoàng	Duy	4	4	128.000	72.000	200.000		
3	Trần Quốc	Đạt	1	1	32.000	18.000	50.000		
5	Nghiêm Phúc	Khang	4	4	128.000	72.000	200.000		
6	Nguyễn Khắc Minh	Khang	2	2	64.000	36.000	100.000		
7	Đặng Ngọc An	Khánh	2	2	64.000	36.000	100.000		
8	Nguyễn Thảo	Linh	5	5	160.000	90.000	250.000		
9	Võ Anh	Minh	3		96.000	-	96.000		
10	Nguyễn Đăng Kỳ	Nam	3	3	96.000	54.000	150.000		
11	Trần Xuân	Nghi	2	2	64.000	36.000	100.000		
13	Phạm Quang	Phúc	4	4	128.000	72.000	200.000		
14	Ngô Thiên	Quý	4		128.000	-	128.000		
16	Trần Nguyễn Hạo	Thiên	10	10	320.000	180.000	500.000		
17	Hoàng Minh	Thư	9	9	288.000	162.000	450.000		
18	Đặng Phước Thiên	Tiên	3	3	96.000	54.000	150.000		
19	Đồng Thanh Thảo	Tiên	1	1	32.000	18.000	50.000		
20	Trần Quang	Vinh	9	9	288.000	162.000	450.000		
21	Nguyễn Ngọc Uyên	Vy	8	8	256.000	144.000	400.000		
-	Có 21 học sinh		83	76	2.656.000	1.368.000	4.024.000	-	

Ngày tháng 8 năm 2022

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

TRƯỜNG MẦM NON 9

Nguyễn Thị Kiều Như

TRƯỜNG MẦM NON 9

730/7 Lạc Long Quân, P.9, Q.Tân Bình, TP.HCM

DANH SÁCH HOÀN TRẢ TIỀN NH 2021-2022

Khối/Lớp: Lá 3

STT	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng	Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
1	Nguyễn Gia	An	3	3	96.000	54.000	150.000		
2	Trương Phạm Bảo	An	7	7	224.000	126.000	350.000		
3	Nguyễn Văn	Anh	7	7	224.000	126.000	350.000		
4	Nguyễn Quốc	Anh	9	9	288.000	162.000	450.000		
5	Phan Nhân	Anh	3		96.000	-	96.000		
6	Bùi Quảng Kim	Ngân	3	3	96.000	54.000	150.000		
7	Đặng Võ Phương	Nghi	2	2	64.000	36.000	100.000		
8	Nguyễn Lý Gia	Phát	1	1	32.000	18.000	50.000		
9	Trần Lê Văn	Quý	3	3	96.000	54.000	150.000		
10	Lục Anh	Sang	2	2	64.000	36.000	100.000		
11	Bùi Nguyễn Thanh	Thảo	7	7	224.000	126.000	350.000		
12	Nguyễn Phương	Thảo	6		192.000	-	192.000		
13	Phạm Tấn Phúc	Thịnh	2	2	64.000	36.000	100.000		
14	Lương Quân	Thuận	1	1	32.000	18.000	50.000		
15	Nguyễn Ngọc Diễm	Thư	5	5	160.000	90.000	250.000		
16	Trần Duy Quốc	Trung	3	3	96.000	54.000	150.000		
17	Triệu Quảng	Vinh	3		96.000	-	96.000		
18	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	11	11	352.000	198.000	550.000		
19	Trần Võ Tường	Vy	10	10	320.000	180.000	500.000		
20	Âu Nhã	Ý	2		64.000	-	64.000		
-	Hoàn trả 20/23 bé		90	76	2.880.000	1.368.000	4.248.000		

Ngày... tháng 8 năm 2022



PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

(Signature)

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Trần Thị Kiều Nhung

TRƯỜNG MẦM NON 9

730/7 Lạc Long Quân, P.9, Q.Tân Bình, TP.HCM

DANH SÁCH HOÀN TRẢ TIỀN NH 2021-2022

Khối/Lớp: Lá 4

STT	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng	Tiền dư	Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
1	Châu Trần Hồng	Anh	3	3	96.000	54.000		150.000		
2	Lê Nguyễn Duy	Bảo	1	1	32.000	18.000		50.000		
3	Trần Thiên	Di	1	1	32.000	18.000		50.000		
4	Lê Ngọc	Hân	7	7	224.000	126.000		350.000		
5	Trương Lê Vũ	Hoàng	5	5	160.000	90.000		250.000		
6	Trương Ngọc Hoàng	Khang	1	1	32.000	18.000		50.000		
7	Nguyễn Võ Minh	Khôi	15	15	480.000	270.000		750.000		
8	Nguyễn Bảo Tuệ	Lâm	6	6	192.000	108.000		300.000		
9	Thái Phạm Khôi	Lâm	2	2	64.000	36.000		100.000		
10	Vương Hải	Lâm	2	2	64.000	36.000		100.000		
11	Phan Hà Tuyết	Mai	5	5	160.000	90.000		250.000		
12	Lê Vũ Hoàng	Minh	3	3	96.000	54.000		150.000		
13	Tô Nhật	Minh	3	3	96.000	54.000		150.000		
14	Nguyễn Nữ Huyền	My	6	6	192.000	108.000		300.000		
15	Sú Tuyết	Nghiên	4		128.000	-		128.000		
16	Nguyễn Phước	Nguyễn	2	2	64.000	36.000		100.000		
17	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	4	4	128.000	72.000		200.000		
18	Nguyễn Văn	Thịnh	2	2	64.000	36.000		100.000		

STT	Họ	Tên	Số buổi vắng ăn trưa và ăn xế	Số buổi vắng ăn sáng	Tiền ăn và ăn xế	Tiền ăn sáng	Tiền dư	Tổng cộng	PHHS kí nhận	Ghi chú
19	Mai Ngọc	Trâm	5	5	160.000	90.000		250.000		
-	Hoàn trả 19/23 bé		77	73	2.464.000	1.314.000	-	3.778.000		

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Hồng Tâm

Ngày.....tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Kiều Nhung